

THÔNG TƯ¹

Hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước - Tổng cục Thuế - Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại

Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 10/8/2011, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2014.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 đã được Quốc hội thông qua ngày 16/12/2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2008/QH11 đã được Quốc hội thông qua ngày 12/12/2006; Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân; Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy

¹ Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 10/8/2011;

- Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2014.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

định về xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/2/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Thực hiện Nghị Quyết số 68/NQ-CP ngày 27/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Để nâng cao hiệu quả quản lý thu ngân sách nhà nước và tăng cường cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu thời gian và thủ tục nộp tiền cho người nộp thuế, Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức phối hợp thu ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước - Tổng cục Thuế - Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, cụ thể như sau²:

Phần I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

² Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại (Thông tư số 85/2011/TT-BTC) như sau:”

Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng:

1. Mục đích:

- Quy định các quy trình, thủ tục thu nộp ngân sách nhà nước (NSNN), tạo thuận lợi cho người nộp thuế, phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác vào NSNN và nộp phạt vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là người nộp NSNN) và hỗ trợ trong việc tăng cường thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

- Thống nhất dữ liệu thu NSNN giữa cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước (KBNN) và các ngân hàng thương mại (NHTM); đồng thời, giảm thời gian và khối lượng nhập liệu tại các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Phát triển các dịch vụ thu, nộp NSNN hiện đại và từng bước thực hiện chủ trương của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt trong khu vực công.

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

- Phạm vi áp dụng bao gồm: các khoản thu NSNN (thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác thuộc NSNN); tiền nộp phạt vi phạm hành chính theo quy định của Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính.

- Đối tượng áp dụng: KBNN; cơ quan Thuế, Hải quan; các NHTM và các tổ chức, cá nhân thực hiện nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác thuộc NSNN hoặc nộp tiền phạt vi phạm hành chính.

Điều 2. Giải thích một số thuật ngữ:

1. Hệ thống thông tin thu nộp thuế: Là hệ thống thu NSNN theo Dự án Hiện đại hóa thu NSNN của Bộ Tài chính.

2. Trung tâm trao đổi dữ liệu trung ương: Là nơi tập trung, truyền và nhận dữ liệu của hệ thống Thuế, KBNN, Hải quan, Tài chính.

3. Hệ thống tác nghiệp: Là hệ thống các ứng dụng tin học phục vụ trực tiếp cho các nghiệp vụ quản lý của hệ thống KBNN, Thuế, Hải quan và Ngân hàng.

4. Cơ sở dữ liệu trung gian: Là nơi tập trung dữ liệu truyền, nhận của các cơ quan Thuế, KBNN, Hải quan, Tài chính, Ngân hàng trước khi cập nhật vào hệ thống tác nghiệp của từng cơ quan hoặc sau khi kết xuất dữ liệu từ hệ thống tác nghiệp để truyền sang các cơ quan liên quan.

5. TCS: Là tên viết tắt của Chương trình ứng dụng thu theo dự án Hiện đại hóa thu NSNN của Bộ Tài chính tại các điểm thu của KBNN.

6.³ Thời điểm “cut off time”: Là thời điểm tạm ngừng truyền, nhận chứng từ thanh toán trong ngày để đối chiếu số liệu thanh toán trong ngày giữa KBNN và NHTM nơi KBNN mở tài khoản. Thời điểm “cut off time” được quy định là 16 giờ hàng ngày làm việc. Trường hợp cần thiết kéo dài thời gian giao dịch của ngày làm việc, KBNN chủ trì phối hợp với NHTM để thống nhất thời điểm “cut off time” của ngày làm việc đó.

7. Cơ sở dữ liệu danh mục dùng chung: Là nơi tập trung các danh mục dùng chung được quy định tại “Quy định hệ thống danh mục điện tử dùng chung ngành tài chính” ban hành theo Quyết định số 35/QĐ-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 33/QĐ-BTC ngày 02/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Hệ thống Mục lục NSNN.

8. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan: được xây dựng để kết nối, trao đổi và cung cấp thông tin, dữ liệu điện tử về thu NSNN của người nộp NSNN do Tổng cục Hải quan quản lý với các NHTM.

9. Cổng thông tin điện tử của Tổng Cục Thuế: được xây dựng để kết nối, trao đổi và cung cấp thông tin, dữ liệu điện tử về thu NSNN của người nộp NSNN do Tổng Cục Thuế quản lý với các NHTM.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện:

1. KBNN, cơ quan Thuế, Hải quan và các NHTM tổ chức phối hợp thu NSNN tại những địa bàn đã triển khai dự án Hiện đại hóa thu NSNN và được thực hiện theo nguyên tắc: kết nối và trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử giữa các cơ quan, đơn vị về số phải thu, số đã thu NSNN của người nộp NSNN, cụ thể:

1.1. Đối với các khoản thu NSNN bằng tiền mặt, thì KBNN được ủy nhiệm cho các chi nhánh NHTM thực hiện, đảm bảo phù hợp với quy định tại Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24/12/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu NSNN qua KBNN (Thông tư số 128/2008/TT-BTC) và hướng dẫn tại Thông tư này.

1.2. Trường hợp KBNN chưa ủy nhiệm thu NSNN bằng tiền mặt, thì KBNN, cơ quan Thuế, Hải quan và các NHTM vẫn tổ chức phối hợp thu NSNN theo nguyên tắc kết nối, trao đổi thông tin dữ liệu điện tử đối với thu NSNN bằng chuyển khoản.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2014.

1.3. Trường hợp KBNN đã ủy nhiệm thu NSNN bằng tiền mặt, song người nộp NSNN vẫn đến KBNN để nộp NSNN, thì KBNN vẫn thực hiện thu tiền mặt từ người nộp NSNN.

2. Việc tổ chức phối hợp thu NSNN và đối chiếu số liệu về thu NSNN giữa KBNN, cơ quan Thuế, Hải quan và các NHTM được thực hiện thông qua tài khoản của KBNN tại các chi nhánh NHTM, cụ thể:

2.1. Trường hợp KBNN đã có tài khoản tiền gửi tại chi nhánh NHTM trên cùng địa bàn, thì việc tổ chức phối hợp thu NSNN và đối chiếu số liệu về thu NSNN được thực hiện thông qua tài khoản tiền gửi của KBNN.

2.2. Tại những địa bàn (tỉnh, huyện) có số thu lớn, số người nộp thuế đông, thì căn cứ nhu cầu và tình hình thực tế của địa phương, KBNN tỉnh, thành phố có văn bản đề nghị gửi KBNN để cho phép Văn phòng KBNN tỉnh, thành phố hoặc KBNN quận, huyện mở tài khoản chuyên thu và tổ chức phối hợp thu với các chi nhánh NHTM trên địa bàn. Việc mở tài khoản chuyên thu của Văn phòng KBNN tỉnh, thành phố và KBNN quận, huyện phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Việc mở tài khoản chuyên thu của các đơn vị KBNN tại chi nhánh NHTM chỉ được thực hiện tại các chi nhánh trực thuộc các hệ thống NHTM đã tham gia thanh toán điện tử song phương tập trung với KBNN và phải được sự chấp thuận của KBNN.

b) Việc đối chiếu số liệu thu NSNN qua tài khoản chuyên thu được thực hiện tại KBNN mở tài khoản chuyên thu với NHTM và cơ quan Thuế, Hải quan trên cùng địa bàn; việc hạch toán thu NSNN qua tài khoản chuyên thu của đơn vị KBNN nào do KBNN đó thực hiện theo quy định hiện hành.

c)⁴ Tài khoản chuyên thu của các đơn vị KBNN tại chi nhánh NHTM chỉ được sử dụng để tập trung các khoản thu của NSNN; không được sử dụng để thanh toán hoặc vào mục đích khác. Cuối ngày làm việc, toàn bộ số thu NSNN phát sinh trên tài khoản chuyên thu của tất cả các đơn vị KBNN tại chi nhánh NHTM phải được chuyển về tài khoản của KBNN (trung ương) mở tại NHTM cùng hệ thống với các chi nhánh NHTM mà các đơn vị KBNN mở tài khoản chuyên thu theo quy trình thanh toán song phương điện tử giữa KBNN và NHTM, đảm bảo đến cuối ngày làm việc thì số dư tài khoản này được KBNN hạch toán bằng không; trừ các khoản thu, nộp NSNN phát sinh sau thời điểm “cut off time” giữa các đơn vị KBNN và chi nhánh NHTM nơi mở tài khoản

⁴ Tiết này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2014.

chuyên thu, thì được chuyển về tài khoản của KBNN (trung ương) vào ngày làm việc kế tiếp.

d) Nghiêm cấm các đơn vị KBNN cấp tỉnh, cấp huyện tự ý mở tài khoản chuyên thu tại chi nhánh NHTM khi chưa được sự chấp thuận bằng văn bản của KBNN.

3. KBNN được ủy nhiệm thu phạt vi phạm hành chính bằng biên lai thu cho chi nhánh NHTM đã tham gia triển khai phối hợp thu NSNN với KBNN trên cùng địa bàn, đảm bảo nguyên tắc:

3.1. KBNN ủy nhiệm ký hợp đồng ủy nhiệm thu phạt vi phạm hành chính với chi nhánh NHTM được ủy nhiệm; có trách nhiệm hướng dẫn chi nhánh NHTM được ủy nhiệm tuân thủ đúng chế độ về thu phạt vi phạm hành chính của Bộ Tài chính và các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng ủy nhiệm với KBNN.

3.2. Thực hiện kết nối, trao đổi thông tin điện tử giữa KBNN (nơi ủy nhiệm) với chi nhánh NHTM (nơi nhận ủy nhiệm) về số thu NSNN (bao gồm cả thu thuế, phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác vào NSNN và thu phạt vi phạm hành chính).

3.3. Trường hợp KBNN đã ủy nhiệm thu phạt vi phạm hành chính bằng biên lai thu cho chi nhánh NHTM đảm nhận, song người nộp phạt vẫn đến KBNN để nộp phạt thì KBNN vẫn tổ chức thu tiền để tạo thuận lợi cho người nộp phạt.

3.4. Thường xuyên tổ chức đối chiếu, đảm bảo khớp đúng số liệu về thu phạt vi phạm hành chính (tổng số món; số tiền từng món; tổng số tiền) giữa KBNN (nơi ủy nhiệm), NHTM (nơi nhận ủy nhiệm) và các cơ quan ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (chi tiết theo từng cơ quan ra quyết định xử phạt).

4.⁵ Chứng từ sử dụng trong thu NSNN là chứng từ do Bộ Tài chính quy định. Việc lập, kiểm soát, luân chuyển, phục hồi và lưu trữ chứng từ tuân thủ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài các nội dung chủ yếu trên chứng từ thu NSNN theo quy định của Bộ Tài chính, cơ quan, tổ chức thu có thể tạo thêm thông tin về mã vạch, hình nền biểu tượng (lô-gô) của cơ quan, tổ chức thu; các thông tin tạo thêm phải đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành, không che khuất, làm mờ các nội dung chủ yếu phải có trên chứng từ thu NSNN.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2014.

5. Ngày nộp thuế (ngày hiệu lực của chứng từ nộp NSNN) được xác định là ngày người nộp NSNN làm thủ tục nộp tiền mặt hoặc trích tài khoản của mình (trường hợp nộp bằng chuyển khoản) tại KBNN hoặc chi nhánh NHTM; đồng thời, được KBNN hoặc chi nhánh NHTM xác nhận, ký, đóng dấu trên liên chứng từ trả lại cho người nộp NSNN.

Trường hợp người nộp NSNN nộp qua thẻ ngân hàng hay các phương tiện thanh toán điện tử khác (như Internetbanking), thì ngày nộp thuế được xác định là ngày người nộp NSNN thực hiện giao dịch trích tài khoản của mình tại NHTM để nộp NSNN và được hệ thống Core Banking của NHTM phục vụ người nộp NSNN xác nhận giao dịch nộp NSNN đã thành công. Trong trường hợp này, nếu người nộp NSNN có yêu cầu về chứng từ phục hồi, thì đến các điểm giao dịch của NHTM để đề nghị in chứng từ phục hồi. NHTM có trách nhiệm in 01 liên Giấy nộp tiền vào NSNN chuyển đổi từ chứng từ điện tử, ký, đóng dấu lên chứng từ và gửi người nộp NSNN.

6. Về việc tổ chức trao đổi, đối chiếu chứng từ thu NSNN:

6.1. Giữa KBNN với chi nhánh NHTM: Được thực hiện theo phiên trong ngày theo thoả thuận giữa KBNN và chi nhánh NHTM nơi mở tài khoản trên từng địa bàn.

6.2. Giữa KBNN với cơ quan Thuế/hoặc Hải quan: Được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 128/2008/TT-BTC và Quyết định số 1027/QĐ-BTC ngày 19/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy trình quản lý thu NSNN theo Dự án hiện đại hóa thu, nộp NSNN (Quyết định số 1027/QĐ-BTC).

6.3. Giữa cơ quan Thuế với NHTM: Được thực hiện thông qua Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, đảm bảo thông tin, dữ liệu trao đổi giữa Tổng cục Thuế với NHTM về số phải thu NSNN phải được đầy đủ, kịp thời và chính xác, tạo thuận lợi cho các NHTM trong việc thực hiện thu NSNN.

6.4. Giữa cơ quan Hải quan với NHTM: Được thực hiện thông qua Công thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, đảm bảo thông tin, dữ liệu trao đổi giữa NHTM với Tổng cục Hải quan phải đồng bộ với dữ liệu về số đã thu NSNN được hạch toán vào tài khoản của KBNN mở tại chi nhánh NHTM; thông tin về số đã thu NSNN từ NHTM chuyển cho cơ quan Hải quan chỉ phục vụ cho việc thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu. Thông tin để hạch toán số đã thu NSNN vào hệ thống tác nghiệp của cơ quan Hải quan được lấy từ KBNN.

7. Về việc quản lý, sử dụng thông tin người nộp NSNN tại các NHTM có tham gia phối hợp thu NSNN:

7.1. Các NHTM chỉ được sử dụng thông tin về người nộp NSNN để thực hiện thu NSNN theo đúng phạm vi, mục đích của quy trình phối hợp thu NSNN

giữa KBNN – cơ quan Thuế/hoặc Hải quan – NHTM; các NHTM không được phép cung cấp thông tin về người nộp NSNN cho bên thứ ba hoặc sử dụng thông tin về người nộp NSNN vào các mục đích khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của người nộp NSNN. NHTM phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin, dữ liệu cho người nộp NSNN.

7.2. Khi xây dựng và triển khai các dịch vụ thu, nộp NSNN tự động (như nộp NSNN qua thẻ ngân hàng, Internet), NHTM phải có các giải pháp bảo mật thông tin cho người nộp NSNN, đảm bảo từng người nộp NSNN chỉ tìm kiếm, tra cứu và sử dụng được các thông tin theo đúng mã số thuế của mình; không tra cứu, sử dụng được các thông tin về người nộp NSNN khác.

8. Về thời gian hạch toán:

8.1. Đối với KBNN:

a) Các khoản thu, nộp NSNN phát sinh tại chi nhánh NHTM trước thời điểm “cut off time” giữa các đơn vị KBNN với chi nhánh NHTM nơi mở tài khoản (kể cả tài khoản tiền gửi và tài khoản chuyên thu), thì được KBNN hạch toán thu NSNN trong ngày.

b)⁶ Các khoản thu, nộp NSNN phát sinh tại chi nhánh NHTM sau thời điểm “cut off time” giữa các đơn vị KBNN và chi nhánh NHTM nơi mở tài khoản, thì được KBNN hạch toán thu NSNN chậm nhất vào ngày giao dịch kế tiếp.

c) Riêng đối với ngày làm việc cuối cùng của năm: các đơn vị KBNN phải phối hợp và đối chiếu với các chi nhánh NHTM nơi mở tài khoản để đảm bảo việc hạch toán, đối chiếu khớp đúng toàn bộ số liệu giữa hai bên ngay trong ngày làm việc cuối cùng của năm.

8.2.⁷ Đối với NHTM: Tất cả các giao dịch thu, nộp NSNN phát sinh trong thời gian làm việc trong ngày, trừ ngày làm việc cuối năm (kể cả trước và sau thời điểm “cut off time”) đều phải được các chi nhánh NHTM ghi nhận, hạch toán đầy đủ, kịp thời vào tài khoản của KBNN ngay trong ngày làm việc đó;

⁶ Tiết này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2014.

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2014.

đồng thời, truyền chứng từ báo có cho KBNN ngay trong ngày làm việc đó (trừ các khoản phát sinh sau thời điểm “cut off time”, thì được truyền chứng từ báo có cho KBNN chậm nhất trước 9 giờ của ngày làm việc kế tiếp).

a) Trường hợp có các khoản nộp NSNN thông qua các kênh giao dịch điện tử của NHTM (như thu NSNN qua ATM, Internetbanking) phát sinh sau thời gian làm việc trong ngày của NHTM hoặc phát sinh vào các ngày nghỉ (Thứ bảy, Chủ nhật hoặc các ngày nghỉ Lễ, Tết, ngày nghỉ hoán đổi theo quy định của Chính phủ), thì được chi nhánh NHTM hạch toán vào tài khoản của KBNN và truyền chứng từ báo có cho KBNN chậm nhất trước 9 giờ của ngày làm việc kế tiếp.

b) Riêng đối với ngày làm việc cuối cùng của năm, thì các chi nhánh NHTM phải phối hợp với KBNN để đảm bảo việc hạch toán và đối chiếu số liệu khớp đúng ngay trong ngày làm việc cuối cùng của năm.

9. Về chuẩn thông tin của chứng từ thu NSNN: Các NHTM khi tham gia phối hợp thu NSNN và thanh toán các khoản thu NSNN qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS) hoặc qua các hệ thống thanh toán điện tử song phương tập trung (giữa hệ thống KBNN với NHTM hoặc giữa các NHTM với nhau) phải thống nhất về chuẩn thông tin trao đổi dữ liệu của chứng từ thu NSNN với chứng từ thanh toán trong hệ thống IBPS (hoặc thanh toán điện tử song phương tập trung), đảm bảo toàn bộ các chứng từ thu NSNN chuyển từ ngân hàng phục vụ người nộp NSNN về ngân hàng phục vụ KBNN phải có đầy đủ các nội dung quy định tại Bảng kê nộp thuế (Mẫu số 01/BKNT ban hành kèm Thông tư này); đồng thời, tạo thuận lợi cho việc kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử về thu NSNN giữa các đơn vị liên quan.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức phối hợp thu NSNN:

1. Cơ quan Thuế, Hải quan:

1.1. Truyền và nhận dữ liệu danh mục dùng chung; cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về mã số thuế, tên người nộp NSNN, mục lục NSNN, kỳ thuế, số thuế phải nộp của từng người nộp NSNN, danh sách tờ khai hải quan và các thông tin dữ liệu trên tờ khai hải quan theo quy định tại Quyết định số 1027/QĐ-BTC .

1.2. Tổ chức nhận chứng từ thu NSNN từ KBNN và đối chiếu số đã thu NSNN với KBNN theo quy định tại Thông tư số 128/2008/TT-BTC và Quyết định số 1027/QĐ-BTC .

1.3. Quản trị cơ sở dữ liệu và ứng dụng trao đổi dữ liệu của đơn vị. Kiểm soát việc truyền, nhận dữ liệu; phát hiện và phối hợp xử lý kịp thời các lỗi truyền, nhận dữ liệu.

1.4. Phối hợp với người nộp NSNN, KBNN và NHTM trong việc đối chiếu số liệu, đảm bảo khớp đúng về số phải thu, số đã thu NSNN; đồng thời, xử lý các vấn đề sai sót liên quan đến khoản thu, nộp NSNN.

1.5. Phối hợp với KBNN và NHTM xây dựng giải pháp và thực hiện kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu, thông tin tập trung để tổ chức phối hợp thu NSNN, đảm bảo việc kết nối, trao đổi thông tin dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị được an toàn và đúng quy định của pháp luật.

1.6. Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung về danh mục dùng chung, danh mục người nộp NSNN và số phải thu NSNN tại Cổng thông tin điện tử của mình để kết nối, trao đổi thông tin với NHTM phục vụ thu NSNN; đồng thời, thường xuyên cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, dữ liệu về danh mục dùng chung, danh mục người nộp NSNN và số phải thu NSNN qua Cổng thông tin điện tử của mình để NHTM tổ chức thu và đối chiếu khớp đúng số liệu giữa các bên theo chế độ quy định.

1.7. Phối hợp và thống nhất với NHTM phương thức trao đổi, đối chiếu thông tin, dữ liệu về số phải thu NSNN, số đã thu NSNN (đối với Tổng cục Hải quan); các tiêu chí về bảo mật và kỹ thuật tin học liên quan.

1.8. Tổng cục Thuế chủ trì phối hợp với Tổng cục Hải quan và các đơn vị có liên quan xây dựng và trình Bộ Tài chính ban hành quy chế quản lý, sử dụng và bảo mật thông tin người nộp NSNN phục vụ cho việc phối hợp thu với các NHTM.

1.9. Tổng cục Thuế chủ trì cùng Tổng cục Hải quan và các NHTM hướng dẫn cụ thể việc quản lý, sử dụng và bảo mật thông tin, dữ liệu về người nộp NSNN phục vụ cho việc phối hợp thu NSNN giữa KBNN – cơ quan Thuế/hoặc Hải quan – NHTM.

1.10. Có nghĩa vụ định kỳ tiếp nhận thông tin từ KBNN và NHTM cung cấp về các tổ chức, cá nhân còn nợ thuế để thực hiện các biện pháp cưỡng chế thuế.

1.11. Phối hợp với KBNN và NHTM tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người nộp NSNN thực hiện nộp NSNN theo quy trình mới (như thu tiền mặt tại các chi nhánh, điểm giao dịch của NHTM; thu qua thẻ ngân hàng, thu qua internetbanking, mobilebanking,...).

1.12. Ngoài những trách nhiệm chung đối với cơ quan thu nêu trên, cơ quan Hải quan còn có trách nhiệm căn cứ thông tin số đã thu NSNN do NHTM thông báo qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan để thực hiện các thủ tục thông quan hàng hoá xuất, nhập khẩu theo quy định.

2. Kho bạc Nhà nước:

2.1. Chủ trì phối hợp với Tổng Cục Thuế, Tổng Cục Hải quan và NHTM xây dựng thỏa thuận và quy trình chi tiết về việc tổ chức phối hợp thu NSNN giữa KBNN, Tổng Cục Thuế, Tổng Cục Hải quan với các NHTM.

2.2. Chủ trì thống nhất với NHTM phương thức kết nối mạng truyền thông; phương thức trao đổi, đối chiếu thông tin dữ liệu về thu NSNN.

2.3. Nhận thông tin, dữ liệu điện tử về số đã thu tại các chi nhánh NHTM để hạch toán đầy đủ, kịp thời vào NSNN.

2.4. Tổ chức quản lý và lưu trữ thông tin, dữ liệu điện tử về số đã thu NSNN nhận từ NHTM theo quy định tại Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/2/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính và hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo tính an toàn, bảo mật, toàn vẹn, đầy đủ, không bị thay đổi, sai lệch trong suốt quá trình lưu trữ; lưu trữ đúng và đủ thời hạn như quy định đối với việc lưu trữ chứng từ giấy về thu NSNN; in được ra giấy và tra cứu được khi có yêu cầu.

2.5. Truyền/gửi đầy đủ, kịp thời thông tin về số đã thu NSNN cho cơ quan Thuế, Hải quan theo đúng quy định tại Điều 13 Thông tư này. In Bảng kê chứng từ nộp ngân sách (Mẫu số 04/BK-CTNNS ban hành kèm Thông tư này) gửi cho cơ quan Thuế, Hải quan làm cơ sở hạch toán; trường hợp giữa KBNN và cơ quan Thuế, Hải quan đã triển khai chương trình xác thực chữ ký điện tử, thì KBNN chuyển dữ liệu về Bảng kê chứng từ nộp ngân sách để cơ quan Thuế, Hải quan tự in Bảng kê chứng từ nộp ngân sách từ chương trình.

2.6. Tổ chức quản trị cơ sở dữ liệu và ứng dụng trao đổi thông tin của đơn vị. Kiểm soát việc truyền, nhận dữ liệu; phát hiện và phối hợp xử lý kịp thời các lỗi truyền, nhận dữ liệu. Quản trị hệ thống TCS để tham gia tổ chức phối hợp thu NSNN với các NHTM.

2.7. Phối hợp với người nộp NSNN, NHTM, cơ quan Thuế và Hải quan đối chiếu số liệu, đảm bảo khớp đúng về số phải thu, số đã thu NSNN; đồng thời, xử lý các vấn đề sai sót phát sinh liên quan đến khoản thu, nộp vào NSNN.

2.8. Phối hợp với cơ quan Thuế, Hải quan và NHTM xây dựng giải pháp và thực hiện kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu, thông tin tập trung phục vụ cho công tác tổ chức phối hợp thu NSNN.

2.9. Chủ trì phối hợp với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các NHTM tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người nộp NSNN thực hiện nộp NSNN theo quy trình mới.

2.10. Trong trường hợp các NHTM vi phạm các quy định về phối hợp thu quy định tại Thông tư này, ngoài việc xử lý theo quy định của pháp luật hiện

hành, KBNN được quyền áp dụng các hình thức xử lý bổ sung đối với các chi nhánh NHTM vi phạm các quy định về phối hợp thu NSNN, bao gồm:

a) Dừng việc tổ chức phối hợp thu NSNN đối với chi nhánh NHTM vi phạm;

b) Đóng tài khoản của KBNN hiện đang mở tại chi nhánh NHTM vi phạm.

3. Cục Tin học và Thống kê tài chính:

3.1. Đảm bảo duy trì, quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu danh mục dùng chung của ngành Tài chính phục vụ cho việc kết nối trao đổi thông tin giữa cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc, Tài chính và NHTM.

3.2. Quản trị cơ sở dữ liệu tại Trung tâm trao đổi dữ liệu trung ương. Kiểm soát việc truyền, nhận dữ liệu, phát hiện lỗi truyền dữ liệu giữa các bên để có biện pháp giải quyết kịp thời.

3.3. Đảm bảo hạ tầng truyền thông thông suốt tại Trung tâm trao đổi dữ liệu trung ương.

3.4. Xây dựng, ban hành quy chế về an toàn bảo mật thông tin trong trao đổi thông tin điện tử về thu NSNN giữa các cơ quan trong ngành tài chính (KBNN, Thuế, Hải quan) với các NHTM.

4. Ngân hàng thương mại:

4.1. Đảm bảo đầy đủ các điều kiện về hệ thống thông tin, trang thiết bị, cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ đáp ứng cho hoạt động tổ chức phối hợp thu NSNN;

4.2. Phối hợp và thống nhất với Tổng Cục Thuế, Tổng cục Hải quan, KBNN phương thức kết nối mạng truyền thông; phương thức trao đổi thông tin dữ liệu; các tiêu chí về bảo mật và kỹ thuật tin học liên quan.

4.3. Hướng dẫn và cung cấp dịch vụ thanh toán nhanh chóng, thuận tiện và có chất lượng cho người nộp NSNN trong việc nộp NSNN theo đúng quy định của Bộ Tài chính và hướng dẫn tại Thông tư này.

4.4. Thực hiện nhập đúng và đầy đủ các thông tin trên chứng từ thu NSNN để truyền thông tin cho cơ quan KBNN và cơ quan thu.

4.5. Chuyên tiền thanh toán và hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản thu NSNN vào tài khoản của KBNN mở tại chi nhánh NHTM theo đúng quy định tại điểm 8.2 khoản 8 Điều 3 Thông tư này.

Trường hợp chuyên tiền thanh toán và hạch toán không đầy đủ, kịp thời các khoản đã thu NSNN, thì NHTM phải hoàn trả các khoản thu NSNN và tiền lãi phát sinh (nếu có) cho KBNN theo chế độ quy định; đồng thời, bị xử phạt về hành vi vi phạm quy định về chế độ thanh toán theo quy định tại Quyết định số 226/2002/QĐ-NHNN ngày 26/3/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

4.6. Phối hợp với KBNN để truyền/nhận đầy đủ, kịp thời thông tin, chứng từ nộp NSNN của người nộp NSNN qua NHTM theo quy định.

4.7. In, quản lý và lưu trữ chứng từ thu NSNN theo quy định của Nhà nước.

4.8. Phối hợp với KBNN, Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan để nhận dữ liệu danh mục dùng chung theo quy định của Bộ Tài chính; phối hợp với KBNN, Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan xây dựng giải pháp và thực hiện kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu thông tin tập trung phục vụ cho công tác tổ chức phối hợp thu NSNN.

4.9. Chấp hành nghiêm và đầy đủ quy chế quản lý, sử dụng và bảo mật thông tin của người nộp NSNN để phục vụ phối hợp thu NSNN do Bộ Tài chính quy định.

4.10. Quản trị cơ sở dữ liệu và ứng dụng trao đổi thông tin của đơn vị. Kiểm soát việc truyền, nhận dữ liệu; phát hiện và phối hợp xử lý kịp thời các lỗi trong quá trình truyền nhận dữ liệu.

4.11. Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về số, ký hiệu tài khoản, số dư tài khoản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế thuế theo đề nghị của cơ quan Thuế, Hải quan; đồng thời, phối hợp với cơ quan Thuế, Hải quan để thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với người nợ thuế.

Phần II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Chương I

QUY TRÌNH THU NSNN QUA NHTM

Điều 5. Thu bằng Bảng kê nộp thuế:

1. Tại chi nhánh NHTM:

1.1. Tại chi nhánh NHTM nơi KBNN có tài khoản (tài khoản tiền gửi hoặc tài khoản chuyên thu):

a) Đối với các khoản thu NSNN (bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt) phát sinh trực tiếp tại chi nhánh NHTM:

- Căn cứ Bảng kê nộp thuế (Mẫu số 01/BKNT ban hành kèm theo Thông tư này) của người nộp NSNN gửi đến, cán bộ thu NSNN của chi nhánh NHTM vào chương trình thu NSNN do NHTM tự phát triển (sau đây viết tắt là TCS-NHTM) nhập đầy đủ các thông tin trên Bảng kê nộp thuế vào chương trình TCS-NHTM để tra cứu, kiểm tra thông tin về người nộp NSNN và làm thủ tục thu tiền mặt từ người nộp NSNN hoặc trích tài khoản của người nộp NSNN để chuyển vào tài khoản của KBNN mở tại chi nhánh NHTM; sau đó, in 02 liên Giấy nộp tiền vào NSNN (Mẫu số C1-02/NS đối với trường hợp nộp NSNN bằng VNĐ, Mẫu số C1-03/NS đối với trường hợp nộp NSNN bằng ngoại tệ ban hành kèm theo Thông tư này), ký, đóng dấu lên các liên chứng từ và xử lý: lưu 01 liên tại chi nhánh NHTM để làm chứng từ hạch toán; 01 liên trả cho người nộp NSNN.

Đối với các khoản thu NSNN trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu, ngay sau khi hoàn tất thủ tục thu tiền từ người nộp NSNN, chi nhánh NHTM kết xuất và truyền thông tin, dữ liệu về số đã thu NSNN sang cơ quan Hải quan (qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan) để làm căn cứ thông quan hàng hoá xuất, nhập khẩu cho người nộp NSNN.

-⁸ Cuối ngày, chi nhánh NHTM kết xuất và truyền đầy đủ dữ liệu về số đã thu NSNN qua NHTM cho KBNN; đồng thời, in 02 liên Bảng kê giấy nộp tiền vào NSNN (Mẫu số C1-06/NS ban hành kèm theo Thông tư này) và xử lý: 01 liên chuyển KBNN làm chứng từ hạch toán; 01 liên lưu tại chi nhánh NHTM làm cơ sở đối chiếu cuối ngày theo quy định.

Trường hợp giữa KBNN và NHTM đã triển khai thanh toán song phương điện tử, thì chi nhánh NHTM in 01 liên Bảng kê giấy nộp tiền vào NSNN để lưu; đồng thời, truyền Bảng kê giấy nộp tiền vào NSNN cho KBNN theo quy định về trao đổi thông tin giữa KBNN và NHTM. Việc trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử sử dụng chữ ký số được thực hiện theo quy định của Luật giao dịch điện tử, Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 08/3/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng và Thông tư số 209/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính quy định giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ KBNN và các quy định hiện hành về giao dịch điện tử.

Trong quá trình kết xuất và truyền file dữ liệu, nếu xảy ra sự cố kỹ thuật phải thông báo ngay cho bộ phận hỗ trợ của các bên cùng phối hợp giải quyết.

⁸ Gạch đầu dòng này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2014.

Trường hợp chưa khắc phục kịp các lỗi về truyền/nhận dữ liệu giữa KBNN và NHTM, thì chi nhánh NHTM in 01 liên Giấy nộp tiền vào NSNN chuyển đổi từ chứng từ điện tử, ký, đóng dấu lên chứng từ và gửi KBNN làm cơ sở hạch toán thu NSNN. Đối với các khoản thu NSNN mà chi nhánh NHTM đã in Giấy nộp tiền vào NSNN chuyển đổi từ chứng từ điện tử gửi KBNN, thì khi nhận được dữ liệu điện tử và Bảng kê giấy nộp tiền vào NSNN từ NHTM, KBNN phải đối chiếu để loại trừ tất cả các chứng từ giấy (chứng từ chuyển đổi từ chứng từ điện tử) đã nhận từ NHTM trước khi chuyển vào chương trình thu NSNN tại KBNN.

- Trường hợp người nộp NSNN sử dụng Giấy nộp tiền vào NSNN, thì chi nhánh NHTM cũng nhập đầy đủ các thông tin trên Giấy nộp tiền vào NSNN vào chương trình TCS-NHTM để tra cứu, kiểm tra thông tin về người nộp NSNN và làm thủ tục thu tiền mặt từ người nộp NSNN hoặc trích tài khoản của người nộp NSNN để chuyển vào tài khoản của KBNN mở tại chi nhánh NHTM; sau đó, in 02 liên Giấy nộp tiền vào NSNN, ký, đóng dấu lên các liên chứng từ và xử lý các liên chứng từ theo chế độ quy định; đồng thời, hướng dẫn người nộp NSNN trong những lần giao dịch sau sử dụng Bảng kê nộp thuế để nộp NSNN.

- Trường hợp Văn phòng KBNN tỉnh, thành phố hoặc KBNN quận, huyện mở tài khoản chuyên thu tại chi nhánh NHTM, thì toàn bộ số thu NSNN phát sinh trong ngày trên tài khoản chuyên thu phải được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

b) Đối với các khoản thu NSNN được chuyển khoản từ các NHTM nơi phục vụ người nộp NSNN về NHTM nơi KBNN mở tài khoản tiền gửi:

Căn cứ chứng từ thu NSNN chuyển tiếp từ các ngân hàng khác (hoặc chứng từ in phục hồi), chi nhánh NHTM nơi KBNN mở tài khoản tiền gửi nhập đầy đủ các thông tin trên chứng từ vào chương trình TCS-NHTM và làm thủ tục chuyển tiền vào tài khoản của KBNN (đối với trường hợp này, chi nhánh NHTM không phải in Giấy nộp tiền vào NSNN) cùng với các khoản thu NSNN phát sinh trực tiếp tại chi nhánh NHTM; sau đó, xử lý cuối ngày tương tự như tiết a điểm 1.1 khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

1.2. Tại chi nhánh NHTM thuộc hệ thống NHTM có tham gia phối hợp thu NSNN, song KBNN không mở tài khoản tại chi nhánh NHTM đó:

Căn cứ Bảng kê nộp thuế của người nộp NSNN gửi đến, chi nhánh NHTM nhập đầy đủ các thông tin trên Bảng kê nộp thuế vào chương trình TCS-NHTM để tra cứu, kiểm tra thông tin về người nộp NSNN và làm thủ tục trích tài khoản của người nộp NSNN để chuyển vào tài khoản của KBNN ghi trên Bảng kê nộp thuế, đảm bảo đến cuối ngày toàn bộ các khoản thu NSNN phát sinh trong ngày tại các chi nhánh NHTM đều phải được làm thủ tục chuyển về tài khoản của KBNN; đồng thời, đảm bảo chứng từ chuyển tiền đến chi nhánh NHTM nơi phục vụ KBNN phải có đầy đủ các thông tin như: tên, địa chỉ, mã số

thuế của người nộp thuế, nội dung khoản nộp, kỳ thuế, số tờ khai hải quan, loại hình xuất nhập khẩu, số tiền chi tiết theo từng khoản nộp; sau đó, in 02 liên Giấy nộp tiền vào NSNN ký, đóng dấu lên các liên chứng từ và xử lý: lưu 01 liên tại chi nhánh NHTM để làm chứng từ hạch toán; 01 liên trả cho người nộp NSNN.

Trường hợp người nộp NSNN sử dụng Giấy nộp tiền vào NSNN, thì được thực hiện theo quy định tại tiết a điểm 1.1 khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Tại Kho bạc Nhà nước:

2.1. Trên cơ sở dữ liệu điện tử về thu NSNN do chi nhánh NHTM chuyển đến, KBNN đối chiếu Bảng kê giấy nộp tiền vào NSNN đã nhận được từ chi nhánh NHTM với dữ liệu tương ứng trong chương trình thu NSNN, đảm bảo khớp đúng các chỉ tiêu theo quy định tại Quyết định số 1027/QĐ-BTC; đồng thời, hạch toán thu NSNN chi tiết theo từng chứng từ nộp tiền (KBNN không phải in phục hồi từng Giấy nộp tiền vào NSNN do NHTM chuyển đến, mà thực hiện hạch toán thu NSNN theo Bảng kê giấy nộp tiền vào NSNN đã nhận được từ chi nhánh NHTM).

2.2. Cuối ngày, KBNN truyền dữ liệu về số đã thu NSNN vào hệ thống cơ sở dữ liệu thu, nộp thuế; đồng thời, in 02 liên Bảng kê chứng từ nộp NSNN (Mẫu 04/BK-CTNNS ban hành kèm theo Thông tư này) và chuyển cho cơ quan Thuế trực tiếp quản lý người nộp NSNN hoặc cơ quan Hải quan nơi phát hành tờ khai hải quan 01 liên bảng kê; 01 liên lưu tại KBNN để làm căn cứ theo dõi, đối chiếu.

Trường hợp giữa KBNN và cơ quan Thuế, Hải quan đã triển khai chương trình xác thực chữ ký điện tử, thì KBNN chỉ in 01 liên Bảng kê chứng từ nộp ngân sách để lưu; cơ quan Thuế, Hải quan tự in Bảng kê chứng từ nộp ngân sách từ cơ sở dữ liệu thu, nộp thuế do KBNN chuyển đến.

3. Tại cơ quan Thuế, Hải quan:

3.1. Thực hiện kết xuất và truyền thông tin, dữ liệu về người nộp NSNN và số phải thu NSNN về Trung tâm trao đổi dữ liệu trung ương theo quy trình quy định tại Quyết định số 1027/QĐ-BTC; đồng thời, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, dữ liệu về danh mục dùng chung, danh mục người nộp NSNN và số phải thu NSNN qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/hoặc Tổng cục Hải quan để kết nối với NHTM.

3.2. Khi nhận được thông tin, dữ liệu về số đã nộp NSNN do NHTM chuyển đến, Tổng cục Hải quan có trách nhiệm ghi nhận dữ liệu vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan để làm cơ sở cho các Cục/Chi cục Hải quan (nơi phát hành tờ khai hải quan) thông quan hàng hoá xuất, nhập khẩu theo chế độ quy định; căn cứ thông tin, dữ liệu về số đã nộp NSNN tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, Cục/Chi cục Hải quan kiểm tra, nếu phù hợp thì

làm thủ tục thông quan hàng hoá xuất, nhập khẩu cho người nộp NSNN theo chế độ quy định cụ thể của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan.

3.3. Căn cứ thông tin, dữ liệu về thu NSNN do KBNN chuyển sang, cơ quan Thuế, Hải quan thực hiện cập nhật và hạch toán vào hệ thống tác nghiệp nội bộ của từng hệ thống. Riêng đối với cơ quan Hải quan phải thực hiện đối chiếu dữ liệu về số đã thu NSNN nhận từ KBNN với dữ liệu nhận từ NHTM, nhằm phát hiện sai lệch (nếu có) và có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 6. Thu NSNN qua máy rút tiền tự động (ATM):

1. Các NHTM đã tham gia tổ chức phối hợp thu NSNN được chủ động phối hợp với KBNN, cơ quan Thuế, Hải quan để triển khai dịch vụ thu NSNN qua máy rút tiền tự động đối với người nộp NSNN, đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ triển khai dịch vụ thu NSNN qua thẻ ngân hàng tại những địa bàn mà KBNN và cơ quan Thuế (hoặc cơ quan Hải quan) đã tổ chức phối hợp thu NSNN với chi nhánh NHTM nơi quản lý các máy ATM đó.

- Người nộp NSNN chỉ được sử dụng thẻ ngân hàng để thực hiện nộp NSNN theo đúng mã số thuế đã được xác định theo từng số chứng minh thư nhân dân của các chủ thẻ ngân hàng để đảm bảo tính bảo mật thông tin của người nộp NSNN. Trường hợp người nộp NSNN sử dụng thẻ ngân hàng để nộp hộ hoặc số chứng minh thư nhân dân không khớp với mã số thuế, thì người nộp NSNN phải tự nhập thông tin số tiền nộp (chi tiết cho từng nội dung nộp) trên màn hình ATM (màn hình ATM không hiển thị các thông tin về số tiền nộp của mã số thuế đó để bảo mật thông tin của người nộp NSNN).

- Chứng từ nộp NSNN in từ các máy ATM phải có đầy đủ các chỉ tiêu thông tin chủ yếu về giao dịch nộp NSNN như: thông tin về người nộp NSNN (mã số thuế, tên người nộp thuế, số tài khoản thẻ ngân hàng); thông tin liên quan đến giao dịch nộp NSNN (thời điểm thực hiện nộp NSNN; tổng số tiền nộp NSNN, chi tiết theo từng nội dung nộp; tên chi nhánh NHTM quản lý máy ATM, số máy ATM nơi giao dịch).

Trường hợp người nộp NSNN có yêu cầu in chứng từ phục hồi, thì có thể đến các điểm giao dịch của chi nhánh NHTM để đề nghị in chứng từ phục hồi; chi nhánh NHTM có trách nhiệm in 01 liên Giấy nộp tiền vào NSNN chuyển đổi từ chứng từ điện tử, ký, đóng dấu lên chứng từ và gửi người nộp NSNN.

- Cuối ngày, chi nhánh NHTM (nơi quản lý máy ATM) mà người nộp NSNN đã thực hiện nộp tiền có trách nhiệm kết xuất và truyền đầy đủ dữ liệu về thu NSNN (bao gồm cả dữ liệu thu NSNN phát sinh tại máy ATM và tại quầy giao dịch của chi nhánh NHTM) cho KBNN theo quy trình tương tự như quy trình quy định tại tiết a điểm 1.1 khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Giao KBNN chủ trì phối hợp với Tổng Cục Thuế, Tổng Cục Hải quan và các NHTM hướng dẫn quy trình nghiệp vụ thực hiện cụ thể.

Điều 7. Dịch vụ ủy nhiệm thu NSNN không chờ chấp thuận và dịch vụ nộp NSNN qua mạng internet:

1. Các NHTM đã tham gia phối hợp thu NSNN được chủ động phối hợp với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và KBNN tuyên truyền, phổ biến và vận động người nộp NSNN có tài khoản tại các chi nhánh NHTM đăng ký và sử dụng dịch vụ ủy nhiệm thu NSNN không chờ chấp thuận hoặc dịch vụ nộp NSNN qua mạng internet, đảm bảo nguyên tắc:

- Người nộp NSNN có tài khoản tại chi nhánh NHTM tự nguyện đăng ký sử dụng dịch vụ ủy nhiệm thu không chờ chấp thuận hoặc dịch vụ nộp NSNN qua mạng internet với NHTM; đồng thời, cho phép chi nhánh NHTM được tự động trích tài khoản của người nộp NSNN để nộp NSNN khi đến hạn (đối với dịch vụ ủy nhiệm thu không chờ chấp thuận).

- Có phần mềm ứng dụng về thu NSNN qua mạng internet và các giải pháp kỹ thuật cần thiết, đảm bảo tính đầy đủ, kịp thời, chính xác, an toàn và bảo mật trong suốt quá trình thanh toán qua mạng internet về thu NSNN; đồng thời, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu của người nộp NSNN.

2. Giao KBNN chủ trì phối hợp với Tổng Cục Thuế, Tổng Cục Hải quan và các NHTM hướng dẫn quy trình nghiệp vụ cụ thể.

Điều 8. Thu phạt vi phạm hành chính bằng biên lai thu:

1. KBNN phối hợp với các chi nhánh NHTM đã tham gia tổ chức phối hợp thu NSNN để ủy nhiệm thu phạt vi phạm hành chính bằng biên lai thu nhằm tăng cường cải cách thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho người nộp phạt, đảm bảo nguyên tắc:

- Thực hiện kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử giữa KBNN (nơi ủy nhiệm) và chi nhánh NHTM (nơi nhận ủy nhiệm) về thu NSNN (bao gồm cả thu NSNN và thu phạt vi phạm hành chính).

⁹ *Thường xuyên tổ chức đối chiếu đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, số liệu về tình hình thu phạt vi phạm hành chính, đảm bảo khớp đúng giữa cơ quan ra quyết định xử phạt, cơ quan tài chính, KBNN (nơi ủy nhiệm) và chi*

⁹ Gạch đầu dòng này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2014.

nhánh NHTM (nơi nhận ủy nhiệm) thông qua Bảng kê thu tiền phạt (Mẫu số 02/BKTP).

2. Việc ủy nhiệm thu phạt vi phạm hành chính bằng biên lai thu cho NHTM được thực hiện theo các phương thức:

- Sử dụng biên lai thu phạt được lập thủ công: KBNN ký hợp đồng ủy nhiệm thu phạt và giao biên lai thu phạt (loại biên lai thu không in sẵn mệnh giá, khi sử dụng phải viết tay) cho NHTM (nơi nhận ủy nhiệm) để tổ chức thu tiền từ người nộp phạt.

- Sử dụng biên lai thu phạt được in từ chương trình TCS - NHTM: KBNN ký hợp đồng ủy nhiệm thu phạt và cho phép chi nhánh NHTM (nơi nhận ủy nhiệm) được in biên lai thu phạt từ chương trình TCS - NHTM để tổ chức thu tiền từ người nộp phạt.

3. Giao KBNN chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn cụ thể quy trình ủy nhiệm thu phạt vi phạm hành chính bằng biên lai thu; đồng thời, căn cứ tình hình thực tế và khả năng đối chiếu số liệu thu phạt vi phạm hành chính giữa KBNN – NHTM và các cơ quan ra quyết định xử phạt tại từng địa bàn để quyết định việc thực hiện quy trình ủy nhiệm thu phạt vi phạm hành chính theo quy trình sử dụng biên lai thu phạt lập thủ công hoặc quy trình sử dụng biên lai thu phạt in từ chương trình TCS - NHTM, đảm bảo việc ủy nhiệm thu phạt vi phạm hành chính được an toàn, thuận lợi và hiệu quả.

Điều 9. Đối chiếu cuối ngày:

1. Giữa KBNN và NHTM:

1.1. Giữa KBNN với NHTM nơi mở tài khoản (tài khoản tiền gửi hoặc tài khoản chuyên thu NSNN):

a) Sau thời điểm “cut off time”, các đơn vị KBNN và chi nhánh NHTM nơi mở tài khoản thực hiện đối chiếu toàn bộ thông tin, số liệu về số đã thu NSNN phát sinh trong ngày, kể cả bằng tiền mặt và chuyển khoản (chi tiết theo từng chứng từ truyền/nhận giữa các đơn vị KBNN và chi nhánh NHTM) trên tài khoản của KBNN tại chi nhánh NHTM. Dữ liệu đối chiếu cho một ngày hoạt động là toàn bộ các chứng từ phát sinh trong ngày được truyền/nhận giữa NHTM với KBNN và được ghi nhận vào tài khoản của KBNN mở tại chi nhánh NHTM (bao gồm cả các khoản thu NSNN phát sinh sau thời điểm “cut off time” của ngày làm việc hôm trước).

b) Nguyên tắc đối chiếu:

- Số phát sinh, số dư trên tài khoản của KBNN (tỉnh, huyện) tại chi nhánh NHTM phải khớp đúng với số liệu trên các tài khoản tương ứng tại KBNN.

- Dữ liệu đối chiếu trong ngày giữa các chi nhánh NHTM và các đơn vị KBNN phải đảm bảo khớp đúng, chi tiết theo từng giao dịch. Trường hợp có phát sinh giao dịch nộp NSNN (kể cả bằng tiền mặt và chuyển khoản, nộp qua Internetbanking,...) sau thời điểm “cut off time” giữa KBNN (tỉnh, huyện) và chi nhánh NHTM nơi mở tài khoản, thì chi nhánh NHTM nơi KBNN mở tài khoản phải có trách nhiệm đối chiếu với KBNN vào ngày giao dịch kế tiếp.

- Toàn bộ số phát sinh trên tài khoản chuyên thu trong ngày của Văn phòng KBNN tỉnh, thành phố hoặc KBNN quận, huyện sau khi đã đối chiếu khớp đúng giữa KBNN (tỉnh, huyện) với chi nhánh NHTM nơi mở tài khoản, thì phải được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này; trừ các giao dịch phát sinh sau thời điểm “cut off time” giữa KBNN và chi nhánh NHTM nơi mở tài khoản chuyên thu, thì được đối chiếu và chuyển về tài khoản của KBNN (Trung ương) vào ngày làm việc kế tiếp.

- Dữ liệu ngày cuối tháng và cuối năm giữa các đơn vị KBNN và chi nhánh NHTM phải khớp đúng cả về số phát sinh và số dư. Mọi phát sinh trên tài khoản của KBNN (tỉnh, huyện) tại chi nhánh NHTM đều phải được phản ánh đầy đủ, chính xác trên các tài khoản chi tiết tương ứng của KBNN trước khi khóa sổ ngày cuối tháng, cuối năm.

c) Việc đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi của KBNN tại các chi nhánh NHTM được thực hiện theo quy định hiện hành. Số dư trên tài khoản của KBNN (tỉnh, huyện) vào thời điểm cuối tháng, cuối năm sau khi đã thực hiện đối chiếu phải được chi nhánh NHTM nơi mở tài khoản và KBNN xác nhận, ký, đóng dấu đầy đủ để đảm bảo tính hợp pháp của chứng từ.

1.2. Giữa KBNN với NHTM mà KBNN không mở tài khoản: KBNN không thực hiện đối chiếu số đã thu NSNN với các NHTM mà KBNN không mở tài khoản. Việc thanh toán, chuyển tiền và đối chiếu từ NHTM phục vụ người nộp NSNN về ngân hàng phục vụ KBNN được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 226/2002/QĐ-NHNN ngày 26/3/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. KBNN và cơ quan Thuế, Hải quan thực hiện kiểm soát các khoản thu NSNN qua các NHTM nơi KBNN không mở tài khoản thông qua việc KBNN nhận thông tin số đã thu từ các ngân hàng này chuyển về NHTM nơi KBNN mở tài khoản để chuyển cho cơ quan Thuế, Hải quan trừ nợ thuế và đối chiếu trực tiếp với người nộp NSNN. Trường hợp phát hiện NHTM phục vụ người nộp NSNN không thực hiện chuyển tiền nộp thuế đúng quy định thì NHTM phục vụ người nộp NSNN sẽ phải bị xử phạt hành chính theo quy định tại Quyết định số 226/2002/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, cơ quan Thuế, Hải quan và KBNN sẽ đình chỉ việc phối hợp thu NSNN với các NHTM nếu vi phạm đến lần thứ 2.

2. Giữa NHTM và Tổng cục Thuế/Tổng cục Hải quan:

2.1. Giữa NHTM và Tổng cục Thuế: Tổng cục Thuế chỉ cung cấp số phải thu NSNN cho các NHTM có tham gia quy trình phối hợp thu NSNN; Tổng cục Thuế không thực hiện đối chiếu số liệu với các NHTM.

2.2. Giữa NHTM và Tổng cục Hải quan:

a) Tại trung ương: Cuối ngày, NHTM và Tổng cục Hải quan tiến hành đối chiếu các thông tin, dữ liệu điện tử đã được trao đổi thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, đảm bảo sự khớp đúng thông tin về số thuế đã thu tại NHTM được truyền đầy đủ sang Tổng cục Hải quan ngay trong ngày.

Trường hợp NHTM truyền dữ liệu về số đã thu sang Tổng cục Hải quan không chính xác và cơ quan Hải quan đã thực hiện thông quan hàng hoá xuất, nhập khẩu cho người nộp NSNN, thì NHTM phải có trách nhiệm đền bù phần thiệt hại phát sinh từ việc truyền dữ liệu số đã thu không chính xác đó.

b) Tại địa phương: Các cơ quan Hải quan (Cục, Chi cục) có nghĩa vụ định kỳ tiếp nhận thông tin từ KBNN và NHTM cung cấp về các tổ chức, cá nhân còn nợ thuế để thực hiện các biện pháp cưỡng chế thuế. Cuối ngày, các cơ quan Hải quan (Cục, Chi cục) thực hiện đối chiếu tổng số tiền đã thu NSNN theo từng tờ khai hải quan (dữ liệu nhận từ KBNN) với các tờ khai hải quan đã thông quan tương ứng trong ngày để kịp thời phát hiện sai lệch (nếu có) và có biện pháp xử lý, đảm bảo khớp đúng dữ liệu về số đã thu NSNN nhận từ KBNN với dữ liệu nhận từ NHTM.

Đối với những Tờ khai hải quan mà cơ quan Hải quan đã làm thủ tục thông quan (trên cơ sở dữ liệu nhận từ NHTM), song số thu NSNN của tờ khai hải quan này chưa được phản ánh trong dữ liệu về số đã thu NSNN mà cơ quan Hải quan nhận được từ KBNN, thì cơ quan Hải quan phải tiếp tục theo dõi và đối chiếu, đảm bảo khớp đúng với KBNN vào ngày làm việc kế tiếp.

3. Giữa KBNN và cơ quan Thuế, Hải quan:

Việc đối chiếu dữ liệu thu NSNN giữa KBNN với cơ quan Thuế, Hải quan được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1027/QĐ-BTC.

Điều 10. Sai sót và xử lý sai sót:

1. Việc xử lý sai sót trong thu NSNN được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và trên cơ sở dữ liệu của các bên liên quan.

2. Trường hợp các khoản thu NSNN qua chi nhánh NHTM thiếu/sai yếu tổ để hạch toán thu NSNN, thì các đơn vị KBNN (tỉnh, huyện) hạch toán vào tài khoản tạm thu mở chi tiết cho từng cơ quan thu; đồng thời, truyền đầy đủ dữ liệu về số đã thu NSNN được hạch toán vào các tài khoản tạm thu này cùng với dữ

liệu về số đã thu NSNN khác cho cơ quan Thuế/hoặc cơ quan Hải quan theo đúng quy định tại Quyết định số 1027/QĐ-BTC.

Cơ quan Thuế, Hải quan có trách nhiệm phối hợp với KBNN để kịp thời xử lý các chứng từ thu NSNN có sai sót, đảm bảo việc xử lý phải được thực hiện vào ngày làm việc kế tiếp. Trường hợp KBNN và cơ quan Thuế, Hải quan vẫn không xác định được chính xác, đầy đủ thông tin, thì KBNN có văn bản gửi chi nhánh NHTM kiểm tra, đối chiếu và bổ sung thông tin để hạch toán thu NSNN theo đúng quy định.

3. Trường hợp nhập sai dữ liệu và được phát hiện sau khi chi nhánh NHTM đã in Giấy nộp tiền vào NSNN, thì chi nhánh NHTM thực hiện hủy Giấy nộp tiền vào NSNN sai đã được in trong chương trình TCS-NHTM; sau đó, lập lại và in Giấy nộp tiền vào NSNN mới theo dữ liệu đúng. Chi nhánh NHTM có trách nhiệm quản lý và lưu trữ toàn bộ các liên Giấy nộp tiền vào NSNN (kể cả các Giấy nộp tiền vào NSNN đã bị hủy trong chương trình TCS-NHTM), đảm bảo khớp đúng giữa chứng từ giấy với chứng từ điện tử trong chương trình TCS-NHTM.

4. Khi truyền dữ liệu về số đã thu NSNN cho KBNN, chi nhánh NHTM có trách nhiệm truyền toàn bộ dữ liệu điện tử về các liên Giấy nộp tiền (bao gồm cả dữ liệu về các liên Giấy nộp tiền sai đã bị hủy trong chương trình) và dữ liệu điện tử về các liên biên lai thu phạt vi phạm hành chính (trường hợp sử dụng biên lai thu phạt được in từ chương trình TCS-NHTM) kèm theo bảng kê chứng từ; trong đó, liệt kê chi tiết các chứng từ đúng và chứng từ bị hủy (chi tiết số chứng từ đúng thay thế cho chứng từ bị hủy), đảm bảo khớp đúng với dữ liệu điện tử đã truyền cho KBNN.

5. Trường hợp các sai sót khác được phát hiện sau khi chi nhánh NHTM đã hạch toán vào tài khoản của KBNN, thì các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp giải quyết theo nguyên tắc xử lý sai sót trong thu NSNN do Bộ Tài chính quy định.

Chương II

QUY TRÌNH TRAO ĐỔI THÔNG TIN

Điều 11. Quy trình trao đổi danh mục dùng chung và danh mục người nộp NSNN:

Quy trình trao đổi danh mục dùng chung và danh mục người nộp NSNN được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1027/QĐ-BTC. NHTM nhận danh mục dùng chung và danh mục người nộp NSNN từ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/hoặc Tổng cục Hải quan.

Điều 12. Quy trình trao đổi các khoản phải thu NSNN:

1. Cơ quan Thuế, Hải quan:

1.1. Cơ quan Thuế, Hải quan tổng hợp và truyền dữ liệu về số phải thu NSNN (kỳ thuế, số tiền, mục lục NSNN của từng người nộp NSNN; danh sách tờ khai hải quan) lên Trung tâm trao đổi trung ương theo quy định tại Quyết định số 1027/QĐ-BTC.

1.2. Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan thực hiện cập nhật thông tin về số phải thu NSNN qua Cổng thông tin điện tử của mình để truyền cho các NHTM có tham gia phối hợp thu NSNN.

2. Ngân hàng thương mại:

NHTM nhận dữ liệu về số phải thu NSNN do Tổng cục Thuế/hoặc Tổng cục Hải quan truyền đến và truyền vào hệ thống tác nghiệp của từng chi nhánh NHTM.

Điều 13. Quy trình trao đổi số đã thu NSNN:

1. Ngân hàng thương mại:

1.1. Với Tổng cục Hải quan: Sau khi hoàn tất giao dịch thu NSNN, chi nhánh NHTM truyền ngay các thông tin, dữ liệu về số đã thu NSNN về NHTM (Trung ương) để truyền cho Tổng cục Hải quan (thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan).

1.2. Với KBNN: Cuối ngày, chi nhánh NHTM tập hợp dữ liệu về số đã thu NSNN truyền về trung tâm trao đổi của NHTM; căn cứ dữ liệu về số thuế đã thu do các chi nhánh NHTM chuyển về, NHTM (Trung ương) tổng hợp và truyền ngay sang KBNN.

Đối với các NHTM mà KBNN không có tài khoản, thì không thực hiện truyền dữ liệu về số đã thu NSNN sang KBNN.

2. Kho bạc Nhà nước:

2.1. Khi nhận được dữ liệu về số đã thu NSNN do NHTM truyền sang, KBNN tổng hợp và truyền lên Trung tâm trao đổi dữ liệu trung ương.

2.2. Tại Trung tâm trao đổi dữ liệu trung ương thực hiện truyền dữ liệu về số đã thu NSNN sang Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Cục thuế và KBNN tỉnh, thành phố theo quy trình quy định tại Quyết định số 1027/QĐ-BTC.

3. Cơ quan Hải quan:

3.1. Đối với thông tin, dữ liệu nhận được từ NHTM:

a) Khi nhận được các thông tin về số đã thu NSNN do NHTM truyền qua Cổng thông tin điện tử, Tổng cục Hải quan truyền ngay vào Trung tâm cơ sở dữ liệu tập trung của Tổng cục Hải quan.

b) Căn cứ dữ liệu về số đã thu NSNN tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, các Cục/Chi cục Hải quan sử dụng làm căn cứ thông quan hàng hoá xuất, nhập khẩu cho người nộp NSNN theo chế độ quy định.

3.2. Đối với dữ liệu nhận được từ KBNN:

a) Khi nhận được dữ liệu về số thuế đã thu từ Trung tâm trao đổi dữ liệu trung ương, Tổng cục Hải quan chuyển vào hệ thống tác nghiệp của mình, chi tiết theo từng tờ khai hải quan.

b) Cục và Chi cục Hải quan khai thác dữ liệu tại Tổng cục Hải quan, phân loại và cập nhật vào hệ thống tác nghiệp; định kỳ, thực hiện đối chiếu với dữ liệu về số đã thu NSNN theo quy định.

4. Cơ quan Thuế:

4.1. Tổng cục Thuế nhận dữ liệu về số đã thu NSNN vào hệ thống tác nghiệp tại Tổng cục Thuế.

4.2. Cục Thuế nhận dữ liệu về số đã thu từ Trung tâm trao đổi trung ương vào hệ thống tác nghiệp tại Cục Thuế; đồng thời, phân tách và gửi dữ liệu thu theo từng Chi cục Thuế trực thuộc. Chi cục Thuế nhận dữ liệu về số đã thu NSNN vào hệ thống tác nghiệp tại Chi cục Thuế. Định kỳ, Cục Thuế/Chi cục Thuế thực hiện đối chiếu dữ liệu thu NSNN theo quy định.

Điều 14. Quy trình vận hành, giám sát, hỗ trợ khắc phục lỗi hệ thống:

1. Vận hành hệ thống:

1.1. Từng đơn vị (KBNN, cơ quan Thuế, Hải quan, NHTM) phải cử cán bộ tin học làm đầu mối để duy trì hoạt động của hệ thống trao đổi thông tin, cung cấp số điện thoại, e-mail liên hệ cho các đơn vị khác.

1.2. Cán bộ nghiệp vụ của từng đơn vị thực hiện truyền, nhận dữ liệu theo quy định tại Thông tư này.

2. Theo dõi giám sát: Hàng ngày, cán bộ quản trị của từng đơn vị phải kiểm tra hệ thống, đảm bảo không bị sự cố tồn đọng dữ liệu trao đổi.

3. Hỗ trợ, khắc phục lỗi: Cán bộ cấp trung ương chịu trách nhiệm hỗ trợ cho cấp tỉnh, thành phố trong trường hợp cán bộ cấp tỉnh, thành phố không thể khắc phục được sự cố. Cán bộ cấp tỉnh, thành phố hỗ trợ cho cấp quận, huyện trong trường hợp cán bộ cấp quận, huyện không thể khắc phục được sự cố.

Điều 15. Quy trình phối hợp thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế:

1. Tại cơ quan Thuế, Hải quan:

1.1. Việc thu thập thông tin về người nợ thuế giữa cơ quan Thuế, Hải quan và NHTM được thực hiện theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 102/2010/TTLT-BTC-NHNN ngày 14/7/2010 của liên Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về việc trao đổi, cung cấp thông tin giữa cơ quan quản lý thuế và các tổ chức tín dụng.

1.2. Khi cần thực hiện các thủ tục cưỡng chế thu thuế đối với người nộp thuế theo quy định, cơ quan Thuế, Hải quan lập và gửi Quyết định cưỡng chế thuế, Lệnh thu NSNN đến chi nhánh NHTM nơi người nợ thuế mở tài khoản để nghị trích tài khoản của người nợ thuế để nộp NSNN theo chế độ quy định.

2. Tại chi nhánh NHTM:

2.1. Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin, chi nhánh NHTM nơi người nợ thuế mở tài khoản có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin theo yêu cầu của cơ quan Thuế, Hải quan như: số, ký hiệu tài khoản; số dư tài khoản; công nợ đến hạn phải trả; tài sản, giấy tờ, chứng chỉ có giá nhờ giữ hộ.

2.2. Khi nhận được Quyết định cưỡng chế thuế, Lệnh thu NSNN do cơ quan Thuế, Hải quan hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, chi nhánh NHTM có trách nhiệm trích tài khoản của người nợ thuế để làm thủ tục nộp NSNN; cập nhật số đã thu vào chương trình TCS-NHTM để truyền thông tin về số đã thu NSNN cho KBNN; đồng thời, thông báo kết quả thu bằng văn bản cho cơ quan Thuế, Hải quan hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền được biết. Trường hợp trên tài khoản của người nợ thuế không có số dư, thì chi nhánh NHTM có trách nhiệm thông báo cho cơ quan Thuế, Hải quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra Quyết định cưỡng chế thuế, Lệnh thu NSNN được biết.

Chương III

ĐIỀU KIỆN VÀ QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ THAM GIA

Điều 16. Điều kiện tham gia:

1. Các NHTM có đủ các điều kiện sau được đăng ký tham gia phối hợp thu NSNN với KBNN và cơ quan thu:

1.1. Đã tiến hành cải cách, hiện đại hóa và triển khai hệ thống Core Banking.

1.2. Có phần mềm thu NSNN tích hợp với Core Banking và có khả năng kết nối và trao đổi thông tin với Dự án Hiện đại hóa thu NSNN của Bộ Tài chính.

1.3. Có mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch rộng; số lượng khách hàng giao dịch lớn để tạo thuận lợi và hiệu quả khi tổ chức phối hợp thu.

1.4. Có đầy đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực đáp ứng tốt yêu cầu tổ chức phối hợp thu NSNN.

1.5. Có văn bản cam kết tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc, quy trình, trách nhiệm trong việc thực hiện phối hợp thu NSNN được quy định tại Thông tư này.

2. Giao KBNN căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng hạ tầng kỹ thuật để quy định cụ thể điều kiện tham gia và chuẩn dữ liệu trao đổi thông tin về thu NSNN với các NHTM.

Điều 17. Quy trình đăng ký tham gia:

Khi có nhu cầu tham gia phối hợp thu NSNN, NHTM có công văn đề nghị gửi KBNN, Tổng cục Thuế hoặc Tổng cục Hải quan.

Căn cứ đề nghị của NHTM, KBNN chủ trì phối hợp với Tổng cục Thuế/hoặc Tổng cục Hải quan xem xét đối chiếu với các điều kiện quy định tại Điều 16 Thông tư này để có văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với đề nghị của NHTM.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN¹⁰

Điều 18. Hiệu lực thi hành:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/8/2011.

2. Các mẫu chứng từ ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm: Mẫu Bảng kê nộp thuế (Mẫu số 01/BKNT), Giấy nộp tiền vào NSNN (Mẫu số C1-02/NS), Giấy nộp tiền vào NSNN bằng ngoại tệ (Mẫu số C1-03/NS), Bảng kê giấy nộp tiền vào NSNN (Mẫu số C1-06/NS), Bảng kê chứng từ nộp NSNN

¹⁰ Điều 2 của Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2014 quy định như sau:

“Điều 2. Điều khoản thi hành:

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/5/2014.”

(Mẫu số 04/BK-CTNNS), Bảng kê biên lai thu (Mẫu số 02/BK- BLT) thay thế các mẫu tương ứng tại Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu NSNN qua KBNN./.

BỘ TÀI CHÍNH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 58 /VBHN-BTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2014

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cục Tin học và Thống kê tài chính (để đăng Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, KBNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



TRẦN XUÂN HÀ

BẢNG KÊ NỘP THUẾ

Mẫu số: 01/BKNT
Theo TT số .../TT-BTC
ngày .../.../... của BTC

Người nộp thuế : Mã số thuế :
Địa chỉ : Huyện Tỉnh, TP.....
Người nộp thay:Mã số thuế của người nộp thay

Đề nghị KBNN (NH) ⁽¹⁾ trích TK số
hoặc thu bằng tiền mặt
Đề nộp vào NSNN (hoặc) TK tạm thu của cơ quan thu ⁽²⁾ tại KBNN
Tên cơ quan quản lý thu :
Tờ khai HQ số:ngày ⁽³⁾
QĐ số : ngày ⁽⁴⁾(hoặc) Bảng kê số ngày ⁽⁵⁾

STT	Nội dung các khoản nộp NS	Kỳ thuế	Số tiền
Tổng cộng			

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Ngày... tháng... năm...
ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN
Người nộp tiền Kế toán trưởng ⁽⁶⁾ Thủ trưởng đơn vị ⁽⁶⁾

KBNN (NGÂN HÀNG)
Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

- Ghi chú:**
- (1) Dùng trong trường hợp người nộp tiền trích tài khoản tại KBNN (hoặc trích tài khoản tại Ngân hàng) nơi đã tham gia Hệ thống thông tin thu nộp thuế;
 - (2) Dùng trong trường hợp cơ quan thu hướng dẫn người nộp thuế nộp tiền vào tài khoản tạm thu;
 - (3) Dùng trong trường hợp nộp các khoản thu trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu;
 - (4) Dùng trong trường hợp thu theo Quyết định thu của cơ quan có thẩm quyền;
 - (5) Ghi theo số, ngày của Bảng kê biên lai thu/hoặc Bảng kê thu tiền phạt;
 - (6) Dùng trong trường hợp các tổ chức nộp tiền bằng chuyển khoản.

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt Chuyển khoản
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Người nộp thuế : Mã số thuế :

Địa chỉ : Huyện Tỉnh, TP

Người nộp thay:Mã số thuế của người nộp thay

Đề nghị KBNN (NH) (2) trích TK số

hoặc thu bằng tiền mặt

Đề nộp vào NSNN (hoặc) TK tạm thu của cơ quan thu (3) tại KBNN

Tên cơ quan quản lý thu :

Tờ khai HQ số:.....ngày(4)

QĐ số :..... ngày (5)(hoặc) Bảng kê số ngày (6)

STT	Nội dung các khoản nộp NS	Mã chương	Mã NDKT (TM)	Kỳ thuế	Số tiền
Tổng cộng					

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

PHẦN KBNN GHI

Mã quỹ:.....Mã ĐBHC: Nợ TK:.....

Mã KBNN:.....Mã nguồn NS:..... Có TK:

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN (9)

Ngày... tháng... năm...

Người nộp tiền Kế toán trưởng (10) Thủ trưởng (10)

NGÂN HÀNG A (11)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán Kế toán trưởng

NGÂN HÀNG B (11)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán Kế toán trưởng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ quỹ (7) Kế toán Kế toán trưởng (8)

Ghi chú: (1) do hệ thống thông tin thu nộp thuế tự sinh (giấy nộp tiền do người nộp lập thì để trống); (2) Ngân hàng (KBNN) nơi trích TK hoặc nơi Ngân hàng thu TM; (3) chỉ dùng cho trường hợp cơ quan thu hướng dẫn người nộp thuế nộp tiền vào tài khoản tạm thu; (4) dùng trong trường hợp thu các khoản thu trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu; (5) dùng trong trường hợp thu theo Quyết định thu của cơ quan có thẩm quyền; (6) Ghi theo số, ngày của Bảng kê biên lai thu/hoặc Bảng kê thu tiền phạt để lập Giấy nộp tiền; (7) cán bộ KBNN thu TM; (8) Kế toán trưởng KBNN ký khi trích TK của người nộp tại KBNN; (9) chỉ in và sử dụng tại KBNN/hoặc ngân hàng chưa tham gia hệ thống thông tin thu nộp thuế (nếu KBNN/hoặc ngân hàng đã tham gia thì người nộp tiền chỉ lập Bảng kê nộp thuế); (10) dùng cho tổ chức khi lập GNT để nộp chuyển khoản; (11) chỉ in và sử dụng khi thanh toán liên ngân hàng dùng chứng từ giấy./.

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
BẰNG NGOẠI TỆ
Tiền mặt chuyển khoản
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Mẫu số: C1- 03/NS
Theo TT số .../TT-BTC
ngày .../.../... của BTC
Mã hiệu: (1)
Số: (1)

Người nộp thuế : Mã số thuế :

Địa chỉ : Huyện..... Tỉnh, TP.....

Người nộp thay:Mã số thuế của người nộp thay

Đề nghị KBNN (NH) (2) trích TK số

hoặc nộp bằng ngoại tệ tiền mặt

Đề nộp vào NSNN (hoặc) TK tạm thu của cơ quan thu (3) tại KBNN

Tên cơ quan quản lý thu :

Tờ khai HQ số:.....ngày (4)

QĐ số :..... ngày (5)(hoặc) Bảng kê số (6) ngày (6)

STT	Nội dung các khoản nộp NS	Mã chương	Mã NDKT (TM)	Kỳ thuế	Số nguyên tệ	Số tiền VNĐ
Tổng cộng						

Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ:

PHẦN KBNN GHI

Mã quỹ: Mã ĐBHC:.....

Mã KBNN: Mã nguồn NS:.....

Nợ TK:

Có TK:.....

Tỷ giá hạch toán:

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN (8)

Ngày... tháng... năm...

Người nộp tiền Kế toán trưởng (9) Thủ trưởng (9)

NGÂN HÀNG A (10)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán Kế toán trưởng

NGÂN HÀNG B (10)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán Kế toán trưởng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ quỹ (7) Kế toán Kế toán trưởng

Ghi chú: (1) do hệ thống thông tin thu nộp thuế tự sinh (giấy nộp tiền do người nộp lập thì để trống); (2) Ngân hàng (KBNN) nơi trích TK hoặc nơi thu ngoại tệ tiền mặt; (3) Chỉ dùng cho trường hợp cơ quan thu hướng dẫn người nộp thuế nộp tiền vào tài khoản tạm thu; (4) Dùng trong trường hợp thu các khoản thu trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu; (5) Dùng trong trường hợp thu theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền; (6) Số, ngày của Bảng kê biên lai thu/hoặc Bảng kê thu tiền phạt để lập Giấy nộp tiền; (7) Kiểm ngân KBNN thu ngoại tệ tiền mặt; (8) chỉ in và sử dụng đối với KBNN/hoặc ngân hàng chưa tham gia hệ thống thông tin thu nộp thuế; (9) sử dụng cho đối tượng là tổ chức nộp ngoại tệ chuyển khoản; (10) chỉ in và sử dụng khi thanh toán liên ngân hàng bằng chứng từ giấy./.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC ĐIỂM GIAO DỊCH SỐ ...
 NGÂN HÀNG (Trường hợp ủy nhiệm thu).....

Mẫu số: 02/BKTP
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2014/TT-BTC
 ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ THU TIỀN PHẠT¹
 Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...

Cơ quan ra Quyết định:

Loại hình thu:

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhat

STT	Họ và tên người nộp tiền	Địa chỉ	Quyết định phạt		Biên lai thu		Ngày nộp	Số tiền		
			Số QĐ	Ngày QĐ	Ký hiệu BL	Số BL		Tiền phạt	Tiền chậm nộp phạt	Tổng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)= (9)+(10)
Tổng tiền loại hình:										

Bảng chữ:

....., Ngày tháng Năm 201...

Kế toán

Kế toán trưởng

¹ Mẫu Bảng kê thu tiền phạt (Mẫu số 02/BKTP) được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2014.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Mẫu số: 04/BK-CTNNS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỘP NGÂN SÁCH

Liên số: Lưu tại

Từ ngày đến ngày

www.HuVienPhap.com
Tel: +84-8-3930 3279*
LawSoft

STT	Chứng từ				Tờ khai hải quan ⁽¹⁾			Mã số thuế	Tên người nộp	Kỳ thuế (2)	Mã địa bàn	Tài khoản Nợ	CH-TM	Loại ngoại tệ	Số tiền nguyên tệ	Tỷ giá	Số tiền VNĐ	
	Sêri	Số chứng từ	Ngày Hạchtoán	Ngày nộp thuế	Số tờ khai	Ngày tờ khai	Mã loại hình XNK											
A	Tài khoản thu NSNN:																	
																Cộng tiểu mục...		
																Cộng TK		
B	Tài khoản tạm thu : ...																	
																Cộng tiểu mục...		
																Cộng TK		
C	Tài khoản tạm giữ : ...																	

¹ Mẫu Bảng kê chứng từ nộp ngân sách (Mẫu số 04/BK-CTNNS) được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu Ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và các ngân hàng thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2014.

